Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3143 /TTr-UBND	*Cao Bằng, ngày 18 tháng 11 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 xem xét, ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

2. Luật viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

3. Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

4. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

6. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

8. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

9. Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

10. Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2025;

11. Kế hoạch số 181-KH/TU ngày 21/11/2022 của Tỉnh ủy Cao Bằng về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2026;

12. Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025;

13. Kế hoạch số 480-KH/BCSĐ ngày 30/12/2022 của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026 của khối chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

II. PHÊ DUYỆT TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện biên chế sự nghiệp năm 2024

1.1. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2024

- Ban Tổ chức Trung ương giao: **16.335 biên chế**[1].

- Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh giao cho các đơn vị: **16.335 biên chế**[2], trong đó: biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 15.453 biên chế; biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 882 biên chế.

1.2. Kết quả thực hiện đến ngày 30/9/2024 như sau:

- Số biên chế sử dụng: **14.770**/16.335 biên chế (90,40%); số chưa sử dụng là 1.565 biên chế (9,60%), cụ thể:

+ *Cấp tỉnh:* có mặt **4.790**/5.391 biên chế (88,85%); số chưa sử dụng là 601 biên chế (11,15%);

+ *Cấp huyện:* có mặt **9.980**/10.939 biên chế (91,23%); số chưa sử dụng là 959 biên chế (8,77%);

---

[1] Quyết định số 2374-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2024. Năm học 2023-2024 được giao bổ sung 66 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

[2] Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 07/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 18 (chuyên đề) phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024; Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh về việc giao tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh Cao Bằng năm 2024.

+ Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: **05** biên chế.

- Lý do chưa sử dụng hết biên chế: Viên chức nghỉ hưu đúng tuổi theo Luật Bảo hiểm xã hội, thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chuyển công tác và thôi việc; có thông báo tuyển dụng nhưng không có hồ sơ dự tuyển hoặc không có thí sinh đạt điểm trong quá trình thi tuyển.

1.3. Phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025

Căn cứ Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương; Kế hoạch số 181-KH/TU ngày 21/11/2022 của Tỉnh ủy Cao Bằng; Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh việc phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025, cụ thể như sau:

Giao 16.335 biên chế, trong đó: Biên chế hưởng lương từ NSNN: **15.453** biên chế; biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **882** biên chế[3]. Phân bổ lại số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và biên chế hưởng lương từ NSNN trong các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tình hình thực tế về mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập[4]:

- Các Sở, ban, ngành: **5.391** biên chế, trong đó: Biên chế hưởng lương từ NSNN: 4.817 biên chế; biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 574 biên chế (**giảm 140** biên chế hưởng lương từ NSNN so với năm 2024).

- UBND các huyện, thành phố: **10.939** biên chế, trong đó: Biên chế hưởng lương từ NSNN: 10.636 biên chế; biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 303 biên chế (**tăng 140** biên chế hưởng lương từ NSNN so với năm 2024).

- Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: **05** biên chế (hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

III. PHÊ DUYỆT SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐỐI VỚI CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

3.1. Kết quả sử dụng

- Biên chế giao năm 2024: 76 biên chế.

- Biên chế sử dụng đến 30/9/2024: 68 biên chế.

3.2. Dự kiến giao năm 2025*:* 76 biên chế *(giữ nguyên so với năm 2024)*, trong đó:

- Cấp tỉnh: 65 biên chế, tăng 02 biên chế so với năm 2024 do bổ sung biên chế cho Hội Chữ thập đỏ tỉnh để đảm bảo nhân lực thực hiện nhiệm vụ "công tác

---

[3] **Giữ nguyên** biên chế hưởng lương từ NSNN so với năm 2024

[4] Có sự thống nhất của Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, UBND các huyện có đơn vị sự nghiệp trực thuộc; đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

xã hội" và "công tác hiến máu tình nguyện".

- Cấp huyện: 10 biên chế[5].

- Biên chế thu hồi sau sắp xếp đơn vị hành chính: 01 biên chế[6].

(Có dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025 và các phụ lục kèm theo).

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Hoàng Xuân Ánh

[5] Giảm 01 biên chế do nhân sự đã chuyển công tác sang đơn vị khác.

[6] Thu hồi từ Hội Chữ thập đỏ huyện Hà Quảng và giảm 02 biên chế dự phòng của năm 2024 do bổ sung cho Hội Chữ thập đỏ tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

BIỂU SỐ 01

BIỂU TỔNG HỢP GIAO TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 3143 /TTr-UBND ngày 18/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2024					Dự kiến biên chế giao năm 2025				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó				Tổng	Trong đó			
			Hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Có mặt đến 30/9/2024	Biên chế chưa thực hiện		Biên chế hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Tăng/giảm biên chế hưởng lương từ NSNN so với năm 2024	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	TỔNG CỘNG	**16.335**	**15.453**	**882**	**14.770**	**1.565**	**16.335**	**15.453**	**882**	**0**	
I	**SỞ, NGÀNH**	**5.391**	**4.957**	**434**	**4.790**	**601**	**5.391**	**4.817**	**574**	**-140**	
1	Sở Nội vụ	15	14	1	12	3	15	14	1	0	
2	Sở Tư pháp	40	38	2	31	9	40	38	2	0	
3	Sở Công Thương	24	22	2	15	9	24	22	2	0	
4	Sở Nông nghiệp&PTNT	144	132	12	97	47	144	131	13	-1	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	70	5	61	14	75	67	8	-3	
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	0	19	2	21	21	0	0	
7	Sở Lao động-Thương binh&Xã hội	196	185	11	181	15	196	165	31	-20	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	210	8	192	26	218	204	14	-6	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4	31	13	44	39	5	-1	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.322	1272	50	1.196	126	1.322	1267	55	-5	
11	Sở Y tế	3.166	2843	323	2.849	317	3.166	2743	423	-100	

12	Sở Ngoại vụ	7	7	0	6	1	7	7	0	0	
13	Văn phòng UBND tỉnh	17	17	0	15	2	17	17	0	0	
14	BQL khu kinh tế tỉnh	11	3	8	9	2	11	0	11	-3	
15	Đài Phát thanh-Truyền hình	86	78	8	74	12	86	77	9	-1	
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0	1	2	3	3	0	0	
17	Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0	1	1	2	2	0	0	
II	**HUYỆN, THÀNH PHỐ**	**10.939**	**10.496**	**443**	**9.980**	**959**	**10.939**	**10.636**	**303**	**140**	
1	Bảo lâm	1.387	1337	50	1169	218	1.387	1347	40	10	
2	Bảo Lạc	1.204	1154	50	1075	129	1.204	1164	40	10	
3	Hà Quảng	1.602	1551	51	1459	143	1.602	1567	35	16	
4	Hạ Lang	561	541	20	491	70	561	546	15	5	
5	Hòa An	953	909	44	947	6	953	933	20	24	
6	Nguyên Bình	947	909	38	848	99	947	919	28	10	
7	Quảng Hòa	1.266	1216	50	1142	124	1.266	1236	30	20	
8	Thạch An	706	675	31	653	53	706	680	26	5	
9	Trùng Khánh	1.314	1265	49	1252	62	1.314	1275	39	10	
10	TP. Cao Bằng	999	939	60	944	55	999	969	30	30	
III	**BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐVHC**	**5**	0	**5**	**0**	**5**	5	0	**5**	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

BIỂU SỐ 02

BIỂU TỔNG HỢP GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÁC HỘI ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 3143/TTr-UBND ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2024	Có mặt đến 30/9/2024	Biên chế chưa sử dụng	Dự kiến biên chế giao năm 2025		Ghi chú
					Giao năm 2025	Tăng/Giảm so với giao năm 2024	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	TỔNG CỘNG	**76**	**68**	**8**	**76**	**0**	
I	**CÁC HỘI Ở CẤP TỈNH**	**63**	**59**	**4**	**65**	**2**	
1	Liên minh Hợp tác xã	14	12	2	14	0	
2	Hội Văn học nghệ thuật	7	6	1	7	0	
3	Hội Chữ thập đỏ	7	7	0	9	2	Bổ sung thêm 02 biên chế để thực hiện nhiệm vụ "công tác xã hội" và "công tác hiến máu tình nguyện"
4	Hội Người mù	5	5	0	5	0	
5	Hội Đông y	6	6	0	6	0	
6	Hội Nhà báo	5	4	1	5	0	
7	Hội Khuyến học	1	1	0	1	0	
8	Hội Luật gia	1	1	0	1	0	
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1	1	0	1	0	
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6	6	0	6	0	
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1	1	0	1	0	
12	Hội Làm vườn	3	3	0	3	0	
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	1	1	0	1	0	
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1	1	0	1	0	
15	Hội Kiến trúc sư	1	1	0	1	0	
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1	1	0	1	0	
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2	2	0	2	0	
II	**HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TẠI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**	**11**	**9**	**2**	**10**	**-1**	
1	Bảo lâm	1	1	0	1	0	
2	Bảo Lạc	1	1	0	1	0	
3	Hà Quảng	2	1	1	1	-1	
4	Hạ Lang	1	1	0	1	0	
5	Hòa An	1	1	0	1	0	
6	Nguyên Bình	1	1	0	1	0	
7	Quảng Hòa	1	0	1	1	0	
8	Thạch An	1	1	0	1	0	
9	Trùng Khánh	1	1	0	1	0	
10	TP. Cao Bằng	1	1	0	1	0	
III	**BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH***	**2**	**0**	**2**	**1**	**-1**	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ...tháng ...năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.335 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 15.453 biên chế (94,60%);

- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 882 biên chế (5,4%);

2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.391** biên chế (33%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 4.817 biên chế (89,35%).

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 574 biên chế (10,65%).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.939** biên chế (66,97%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.636 biên chế (97,23%);

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 303 biên chế (2,77%).

- Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: **05** biên chế (0,03%).

II. Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 76 biên chế, trong đó:

1. Cấp tỉnh: 65 biên chế;

2. Cấp huyện: 10 biên chế;

3. Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 01 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục

PHÊ DUYỆT TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**	**16.335**	**15.453**	**882**	***11.613***	***389***	***2.808***	***423***	***470***	***23***	***41***	***5***	***521***	***42***
I	**Sở, ban, ngành**	**5.391**	**4.817**	**574**	**1.367**	**86**	**2.808**	**423**	**281**	**23**	**41**	**5**	**320**	**37**
1	Sở Nội vụ	**15**	14	1									14	1
2	Sở Tư pháp	**40**	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	**24**	22	2									22	2
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**144**	131	13									131	13
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	**75**	67	8									67	8
6	Sở Thông tin và Truyền thông	**21**	21	0									21	0
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	**196**	165	31	100	31	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	**218**	204	14					204	14				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	**44**	39	5							39	5		

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	**1.322**	1267	55	1267	55								
11	Sở Y tế	**3.166**	2743	423			2743	423						
12	Sở Ngoại vụ	**7**	7	0									7	0
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	**17**	17	0									17	0
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	**11**	0	11									0	11
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	**86**	77	9					77	9				
16	Quỹ Phát triển đất	**3**	3	0									3	0
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	**2**	2	0							2	0		
II	**UBND các huyện, thành phố**	**10.939**	**10.636**	**303**	***10.246***	***303***	***0***	***0***	***189***	***0***	***0***	***0***	***201***	***0***
1	UBND huyện Bảo Lâm	**1.387**	1347	40	1.312	40			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	**1.204**	1164	40	1.141	40			12				11	
3	UBND huyện Hà Quảng	**1.602**	1567	35	1.515	35			28				24	
4	UBND huyện Hạ Lang	**561**	546	15	519	15			16				11	
5	UBND huyện Hoà An	**953**	933	20	901	20			13				19	

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
6	UBND huyện Nguyên Bình	**947**	919	28	886	28			17				16	
7	UBND huyện Quảng Hoà	**1.266**	1236	30	1.187	30			22				27	
8	UBND huyện Thạch An	**706**	680	26	651	26			16				13	
9	UBND huyện Trùng Khánh	**1.314**	1275	39	1.223	39			26				26	
10	UBND thành phố Cao Bằng	**999**	969	30	911	30			20				38	
III	**Số biên chế thu hồi sau sắp xếp đơn vị hành chính**	**5**	0	**5**									0	**5**
B	**TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ**	**76**												
I	**Các hội ở cấp tỉnh**	**65**												
1	Liên minh Hợp tác xã	14												
2	Hội Văn học nghệ thuật	7												
3	Hội Chữ thập đỏ	9												
4	Hội Người mù	5												
5	Hội Đông y	6												
6	Hội Nhà báo	5												

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	**Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp**	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
7	Hội Khuyến học	1												
8	Hội Luật gia	1												
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1												
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6												
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1												
12	Hội Làm vườn	3												
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1												
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1												
15	Hội Kiến trúc sư	1												
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1												
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2												
II	**Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố**	**10**												
1	Bảo lâm	1												
2	Bảo Lạc	1												

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		*Giáo dục*		*Y tế*		*Văn hóa, thể thao*		*Khoa học*		*Kinh tế*	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
3	Hà Quảng	1												
4	Hạ Lang	1												
5	Hòa An	1												
6	Nguyên Bình	1												
7	Quảng Hòa	1												
9	Thạch An	1												
12	Trùng Khánh	1												
13	Thành phố Cao Bằng	1												
III	**Số biên chế thu hồi sau sắp xếp đơn vị hành chính**	**1**												